

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **125**/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23/8/2022

Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Hùng;

2. Ông Đặng Văn Tổng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 347/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 183/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị NĐ**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp Tb, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (có mặt).

* Bị đơn: **Anh BĐ**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp Tây Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị NĐ trình bày như sau: chị và anh BĐ do mai mối, sau đó tìm hiểu được hơn 1 tháng thì BĐ tới kết hôn với nhau vào năm 2016, có tổ chức đám cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh BĐ có quan hệ bất

chính với người phụ nữ khác, không lo cho vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh BĐ; Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung tên là C, sinh ngày 24/9/2017. Sau ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh BĐ đến để BĐ hành hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh BĐ vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị NĐ và anh BĐ. Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 24/9/2017 cho chị NĐ chăm sóc, nuôi dưỡng; Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Chị NĐ yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh BĐ (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn BĐ hành xét xử vụ án vắng mặt anh BĐ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NĐ và anh BĐ chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến nay vẫn không BĐ hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị NĐ yêu cầu được ly hôn với anh BĐ. Do hôn nhân giữa chị NĐ và anh BĐ vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị NĐ và anh BĐ.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị NĐ và anh BĐ có 01 con chung tên C, sinh ngày 24/9/2017, hiện nay đang sống với chị NĐ.

Xét thấy, cháu Hân hiện nay đang sống với chị NĐ, do đó xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Hân, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, HĐXX giao cháu C cho chị NĐ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị NĐ không yêu cầu anh BĐ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị NĐ phải tạo điều kiện cho anh BĐ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị NĐ không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị NĐ và anh BĐ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị NĐ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị NĐ đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị NĐ và anh BĐ.

* Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 24/9/2017 cho chị NĐ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị NĐ không có yêu cầu.

Anh BĐ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: Chị NĐ không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị NĐ và anh BĐ có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

* Về án phí sơ thẩm: Chị NĐ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009296 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Chị NĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh BĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân